

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

2. QUỸ ETF SSIAM VN30

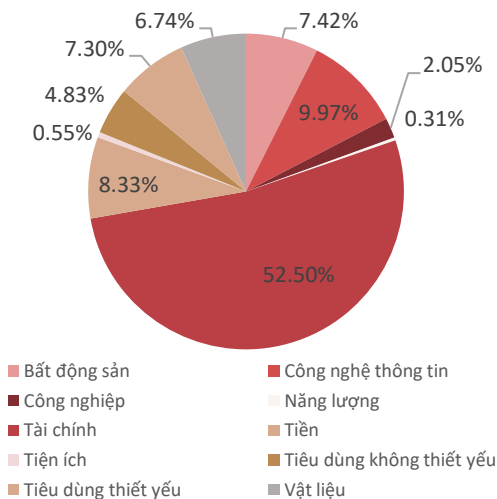
THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 31/01/2025

TÊN QUỸ	QUỸ ETF SSIAM VN30
MÃ QUỸ	FUESSV30
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VN30 Index
NGÀY THÀNH LẬP	22/06/2020
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	171.0 tỷ VND (~6.8 triệu USD)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VDSC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công Ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)
PHÍ QUẢN LÝ	0.55%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	10,300,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, MAS, BSC, KIS, VIETCAP, BVSC
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	Vietcombank – Hội sở

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	29
HỆ SỐ P/E	10.06x
HỆ SỐ P/B	1.57x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ ETF SSIAM VN30 hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN30 trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VN30. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với chỉ số VN30 hoặc đưa các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VN30 INDEX

Chỉ số VN30 là chỉ số bao gồm các cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có giá trị vốn hóa và thanh khoản cao nhất thị trường. Chỉ số VN30 có giới hạn trọng lượng 10% đối với cổ phiếu riêng lẻ và 15% đối với nhóm cổ phiếu liên quan.

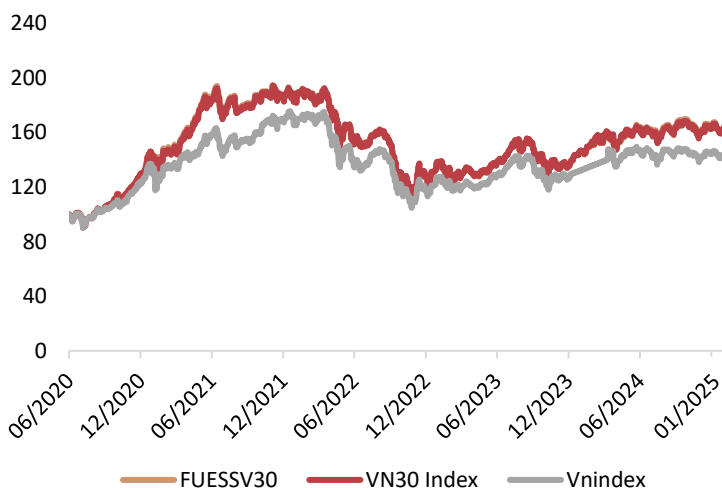
Chỉ số VN30 đại diện cho trên 60% vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập (22/06/2020)
FUESSV30	16,603.26	-0.65%	-0.26%	-0.65%	66.03%
VN30 Index	1,337.59	-0.53%	-0.08%	-0.53%	65.14%

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



2. QUỸ ETF SSIAM VN30 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ - PM update

Trong tháng 1, chỉ số VN30-Index giảm -0.53% trong tháng và quỹ FUESSV30 của chúng tôi ghi nhận mức giảm tương đương -0.65%. So với thời điểm đầu năm 2025, chỉ số VN30-Index giảm -0.53% trong khi hiệu quả hoạt động của quỹ FUESSV30 đạt -0.65%.

Chỉ số VN-Index giảm điểm trong nửa đầu tháng 1 và phục hồi trước Tết. Mặc dù kết quả GDP tăng trưởng mạnh (7.1% trong năm 2024) được công bố vào đầu tháng 1, VN-Index vẫn giảm 3% trong nửa đầu tháng do tâm lý thận trọng trước lễ nhậm chức của Tổng thống Donald Trump vào ngày 20/01/2025 và trước kỳ nghỉ Tết kéo dài. Tuy nhiên, VN-Index đã dần hồi phục ngay trước Tết (+2.9% từ ngày 14/1 đến ngày 24/1), chủ yếu nhờ đà tăng của nhóm cổ phiếu ngân hàng.

Các ngành ghi nhận diễn biến trái chiều. Trong tháng 1, ngành Công nghiệp (+2.0%) dẫn đầu đà tăng, chủ yếu nhờ VTP (+24.2%), VGC (+10.6%), VCG (+8.5%), GEX (+5.8%) và CTR (+5.7%). Trong khi đó, ngành Ngân hàng (+1.7%) đứng thứ hai, dẫn dắt bởi LPB (+14.7%), BID (+6.5%), VIB (+4.8%) và MBB (+2.6%). Ngược lại, Dầu khí (-3.6%), Dịch vụ Tài chính (-2.2%), Hàng tiêu dùng (-2.2%) và Bất động sản (-1.8%) là những nhóm ngành giảm điểm mạnh nhất.

Thanh khoản giảm trong tháng 1. Giá trị giao dịch trung bình ngày (GTGDTB) trên HOSE giảm 22.0% so với tháng 12/2024 và giảm 31.6% so với cùng kỳ, đạt 449.6 triệu USD. Ngoài ra, GTGDTB của tổng ba sàn cũng giảm 22.3% so với tháng 12/2024 và 31.6% so với cùng kỳ, đạt 506.2 triệu USD.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng tháng thứ 12 liên tiếp. NĐTNN bán ròng 256.0 triệu USD trên HOSE, 3.3 triệu USD trên HNX và 7.5 triệu USD trên UPCoM, dẫn đến lượng bán ròng 266.7 triệu USD trên cả ba sàn trong tháng 1 (so với lượng mua ròng 46.3 triệu USD trong tháng 1/2024). Khối ngoại bán ròng chủ yếu VIC (-80.6 triệu USD), FPT (-61.2 triệu USD) và STB (-22.9 triệu USD). Ngược lại, khối ngoại mua ròng chủ yếu HDB (+16.0 triệu USD), LPB (+14.3 triệu USD) và VGC (+12.5 triệu USD). Chúng tôi cho rằng triển vọng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam năm 2025 sẽ tích cực nhờ các động lực chính, bao gồm: (1) Xuất khẩu giữ vững đà tăng khi nhu cầu tiêu dùng toàn cầu hồi phục; (2) Duy trì thu hút vốn FDI; (3) Đẩy mạnh đầu tư công; (4) Gỡ vướng mắc pháp lý cho ngành bất động sản và (5) Chính sách tài khóa và tiền tệ nới lỏng.

Theo đó, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng sẽ được hưởng lợi bên cạnh kỳ vọng về việc nâng hạng sẽ thu hút lượng đáng kể dòng tiền của nhà đầu tư nước ngoài. Các yếu tố cơ bản cũng hội tụ khá đầy đủ để chỉ số bứt phá trong năm 2025, bao gồm: (1) Lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết dự báo vẫn tăng trưởng mạnh trong năm 2025 với mức tăng ~+24% toàn thị trường; (2) Môi trường lãi suất duy trì ở mức thấp và (3) Định giá hiện tại là hấp dẫn so với quá khứ khi mà P/E trượt 12 tháng và P/E dự phóng 12 tháng của VN-Index đều thấp hơn mức trung bình lịch sử và các thị trường trong khu vực.

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	CỔ PHIẾU	TÊN CÔNG TY	% NAV
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	7.01
2	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp	0.42
3	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.76
4	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	0.31
5	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	2.10
6	FPT	Công ty Cổ phần FPT	9.98
7	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam	0.55
8	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Sài Gòn	0.32
9	HDB	Ngân hàng Phát triển TP HCM	4.08
10	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	6.43
11	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	5.17
12	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	3.22
13	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	4.84
14	PLX	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	0.31

STT	CỔ PHIẾU	TÊN CÔNG TY	% NAV
16	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	0.53
17	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.21
18	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	2.56
19	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	2.39
20	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	4.80
21	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	7.80
22	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	1.49
23	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	3.92
24	VHM	CTCP Vinhomes	2.79
25	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	2.28
26	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	3.19
27	VJC	CTCP Hàng không VietJet	2.05
28	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	3.58
29	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	5.67
30	VRE	CTCP Vincom Retail	1.04